TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 03/2023/DS-ST Ngày: 30 - 3 - 2023 V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiễu HMok
2. Ông Bùi Ngọc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Sỹ Vững- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th; chức vụ: Tổng giám đốc Agribank.

Địa chỉ: Số 02 L, phường Th, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hữu T; chức vụ: Giám đốc Agribank Chi nhánh B (Văn bản ủy quyền số: 2965/UQ- NHo-PC, ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng giám đốc Agribank *"V/v quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành hành án"*)

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Uyên M; chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N (Văn bản ủy quyền số: 627/NHNoBH-KHKD, ngày 22 tháng 6 năm 2022)

Địa chỉ: Số 158 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố 5 (Nay là tổ dân phố 3), phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, bà H có ký vay vốn tại Agribank Chi nhánh B theo Hợp đồng tín dụng số: 5208LAV201800676, với nội dung cơ bản như sau:

- Hạn mức cho vay: 470.000.000 (Bốn trăm bảy mươi triệu)
- Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng
- Mục đích vay vốn: Kinh doanh nước giải khát
- Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2018 đến ngày 13 tháng 8 năm 2019; lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Đến ngày 08 tháng 10 năm 2018 bà H ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng số: 5208LAV201800676/PLHDDTD giảm số tiền vay xuống 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng)

Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà H ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DAT16/11/2014//HĐTC ngày 17 tháng 11 năm 2014 và các phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo, cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 292161 do Ủy ban nhân dân huyện K (Nay là UBND thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18 tháng 01 năm 2006 cho hộ ông Đinh Văn M và bà Nguyễn Thị C tại thửa đất số: 797, tờ bản đồ số: 06, diện tích 180 m^2, mục đích sử dụng đất: 100m^2 đất ở; 80m^2 đất vườn, chuyển nhượng cho bà Đinh Thị H vào ngày 19 tháng 12 năm 2007. Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 5 (Nay là tổ dân phố 3) phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà H không trả được cho ngân hàng được khoản nào mà đã bỏ đi khỏi địa phương. Tính đến ngày 30 tháng 3 năm 2023 bà H còn nợ ngân hàng tổng số tiền 414.212.329 (Bốn trăm mười bốn triệu hai trăm mười nghìn ba trăm hai mươi chin đồng), trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 12.465.753 đồng, tiền lãi quá hạn 151.746.576 đồng. Do vậy, đề nghị giải quyết:

- Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 414.212.329 đồng, trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh đến ngày 30 tháng 3 năm 2023 là: 164.212.329 đồng.
- Buộc bà H phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 31 tháng 3 năm 2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.
- Tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DAT16/11/2014//HĐTC ngày 17 tháng 11 năm 2014 và các phụ lục hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật để thi hành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài nội dung trên, không đề nghị giải quyết nội dung nào khác.

* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, bà Đinh Thị H là bị đơn đã lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến của bà H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án; Điều 191, Điều 195 và Điều 196 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý vụ án, Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: HĐXX và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (Không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N, buộc bà Đinh Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 414.212.329 đồng; trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh đến ngày 30 tháng 3 năm 2023 là: 164.212.329 đồng, cụ thể: tiền lãi trong hạn 12.465.753 đồng, tiền lãi quá hạn 151.746.576 đồng. Đồng thời, cần buộc bà H phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Về tài sản thế chấp: Tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DAT16/11/2014//HĐTC ngày 17 tháng 11 năm 2014 và các phụ lục hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật để thi hành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ, nơi cư trú của bị đơn trong các hợp đồng mà bị đơn ký kết. Tuy nhiên, bị đơn không hợp tác và cố tình lẩn tránh. Theo biên bản xác minh tại nơi cư trú ngày 05 tháng 10 năm 2022, của chính quyền địa phương xác định bà Đinh Thị H, sinh năm 1974 có hộ khẩu và cư trú tại: Tổ dân phố 5, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, bà H đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2019 đến nay, khi đi bà H không báo với chính quyền đại phương, hiện nay bà H không có mặt tại địa phương không biết bà H cư trú ở đâu. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong

các hợp đồng đã ký kết mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ -HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Mặc dù không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bị đơn đều lẩn tránh, cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đã có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 13 tháng 3 năm 2018, bà H có ký vay vốn tại Agribank Chi nhánh B theo Hợp đồng tín dụng số: 5208LAV201800676, với nội dung cơ bản như sau:

- Hạn mức cho vay: 470.000.000 (Bốn trăm bảy mươi triệu)
- Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng
- Mục đích vay vốn: Kinh doanh nước giải khát
- Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2018 đến ngày 13 tháng 8 năm 2019; lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn. Đến ngày 08 tháng 10 năm 2018 bà H ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng số: 5208LAV201800676/PLHDDTD giảm số tiền vay xuống 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như điều khoản đã ký kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và vi phạm đối với Hợp đồng tín dụng đã ký kết nói trên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải có có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 414.212.329 đồng, trong đó nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh đến ngày 30 tháng 3 năm 2023 là: 164.212.329 đồng, cụ thể: tiền lãi trong hạn 12.465.753 đồng, tiền lãi quá hạn 151.746.576 đồng. Đồng thời, cần buộc bị đơn phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ, bà H ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DAT16/11/2014//HĐTC, ngày 17 tháng 11 năm 2014 và các phụ lục hợp đồng thế

chấp. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 292161 do Ủy ban nhân dân huyện K (Nay là UBND thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18 tháng 01 năm 2006 cho hộ ông Đinh Văn M và bà Nguyễn Thị C tại thửa đất số: 797, tờ bản đồ số: 06, diện tích 180m^2, mục đích sử dụng đất: 100m^2 đất ở; 80m^2 đất vườn, chuyển nhượng cho bà Đinh Thị H vào ngày 19 tháng 12 năm 2007. Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 5 (Nay là tổ dân phố 3) phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên được xác lập tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 325 của Bộ luật Dân sự; điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 của Nghị định số: 102/2017/NĐ - CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm. Do vậy, đây thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên tài sản thế chấp được bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ như đã cam kết.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm c khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 161; điểm e khoản 1 Điều 192; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 325; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 của Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc bà Đinh Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi suất phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 414.212.329 (Bốn trăm mười bốn triệu hai trăm mười hai nghìn ba trăm hai mươi chín đồng); trong đó nợ gốc: 250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 12.465.753 đồng, tiền lãi quá hạn 151.746.576 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Đinh Thị H tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng N.

2. Trong trường hợp bà Đinh Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ như đã cam kết cho Ngân hàng N thì tài sản đã thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DAT16/11/2014//HĐTC, ngày 17 tháng 11 năm 2014 và các phụ lục hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N được xử lý theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chịu 20.568.500 (Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền 9.634.000 (Chín triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Đặng Kiên C nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, theo biên lai số: AA/2021/0018181, ngày 03 tháng 10 năm 2022.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Đinh Thị H phải chịu 3.000.000 (Ba triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 (Ba triệu đồng) mà Ngân hàng N do ông Đặng Kiên C đã nộp tại Tòa án và được xử lý tại Tòa án nhân dân thị xã B. Buộc bà Đinh Thị H phải cho Ngân hàng N số tiền 3.000.000 (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND thị xã B;
- Thi hành án dân sự thị xã B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Nhất